

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Số lượng
27	Màng bao phủ tái tạo xương nhân tạo 25x25 mm	Thành phần: collagen có nguồn gốc từ heo. Màng được làm thành 2 lớp một mặt thô nhám và một mặt mịn, Có khả năng thấm ướt (ưa nước) độ bền cao, dễ dàng thích ứng với mọi vị trí ghép và khả năng chống rách. Có thể cố định màng bằng cách khâu, bằng bắt vít (pins) hoặc không. Thời gian tiêu 4 đến 6 tháng. Kích thước màng: 25x25 mm Tiêu chuẩn sản xuất: ISO, CE và FDA Xuất xứ Châu Âu	hộp	100
28	Màng xương không tiêu 25*30mm	Chất liệu: PTFE (PolyTetraFluoroEthylene) y tế, kích thước lỗ màng 0,3µm. Kích thước 25x30mm Tiêu chuẩn: ISO và CE/FDA	cái	150
29	Xương dị chủng 0.5g	Vật liệu xương dị loại đông khô, có nguồn gốc từ xương bò. Vật liệu có cấu trúc và khoáng chất tự nhiên gần giống với xương người. Cấu trúc bề mặt giúp hỗ trợ bám dính các tế bào xương, giúp hỗ trợ hấp thụ protein Vật liệu có khả năng lắng đọng chất nền trên bề mặt. Vật liệu có chức năng sinh học giúp hình thành dễ dàng hình thành mạch máu và xương mới, xương mới hình thành tích hợp hoàn toàn với vật liệu ghép tạo nên khối vững chắc. Vật liệu lâu tiêu giúp cho việc tái tạo xương có độ ổn định lâu dài. Kích thước hạt :0.25mm đến 1mm - tương đương trọng lượng Hộp 0.5g (1 cc); hoặc 1mm- 2mm tương đương hộp 0.5 g (1.5 cc) Tiêu chuẩn sản xuất: ISO 13485 và CE Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	260
30	Xương dị chủng 2g	Vật liệu xương có nguồn gốc từ xương bò. Vật liệu có cấu trúc và khoáng chất tự nhiên gần giống với xương người. Vật liệu có chức năng sinh học giúp dễ dàng hình thành mạch máu và xương mới, xương mới hình thành tích hợp hoàn toàn với vật liệu ghép tạo nên khối vững chắc. Vật liệu lâu tiêu giúp cho việc tái tạo xương có độ ổn định lâu dài. Tốc độ tiêu ổn định, lâu dài: Tái hấp thụ chậm, giữ thể tích tốt trong 6-12 tháng Kích thước hạt: 0,25- 1mm hoặc 1mm-2mm. Khối lượng hộp 2g Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO và FDA/CE Xuất xứ Châu Âu	Hộp	250
31	Xương đồng loại, lọ 1cc	* Vật liệu xương nhân tạo dùng cấy ghép tái tạo xương hư tổn * Xương đồng loại gồm cả xương vỏ và xương tủy (xương xốp). Thành phần gồm: 70% xương vỏ, 30% xương tủy (xương xốp) Bảo tồn collagen của ma trận xương tự nhiên và thành phần khoáng chất, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mô liên kết mạch máu và tế bào. Loại bỏ hiệu quả các tế bào, kháng nguyên và virus, đồng thời vô hiệu hóa các mầm bệnh. Kích thước hạt xương: 0.25-1mm, Đóng gói: 1,0 cc Có chứng minh lâm sàng theo phương pháp hồi cứu trong việc theo dõi 10 năm điều trị tái tạo viêm quanh implant Có chứng minh đánh giá lâm sàng và X quang so sánh của sản phẩm và xương tự thân trong điều trị dị tật trong xương nha chu ở người Nguồn gốc sản xuất: G7	Lọ	400
32	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn 0.5g	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 0.5g (1.2cc). - Chất liệu: xương heo đã loại bỏ các thành phần hữu cơ. - Kích thước hạt 0.25 -1.00mm - Độ xốp cao, độ xốp toàn thể khoảng 78.4%	Hộp	100

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Số lượng
33	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn 1.0g	Bột xương cây ghép nhân tạo, dạng hạt 1.0g (2.4cc). - Chất liệu: xương heo đã loại bỏ các thành phần hữu cơ. - Kích thước hạt 0.25 -1.00mm - Độ xốp toàn thể khoảng 78.4%	Hộp	200
NHÓM 7: VẬT TƯ Y TẾ SỬ DỤNG TRONG MỘT SỐ CHUYÊN KHOA				
34	Phim khô 8 x 10"	-Công nghệ in phim nhiệt Kỹ thuật số trực tiếp DDI - Mật độ quang học: $\leq 0.25 - \geq 3.2$ - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate dày 168 μm , tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m ² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar. Tiêu chuẩn: ISO và	Tấm	208.980
35	Phim khô 10" x 12"	-Công nghệ in phim nhiệt Kỹ thuật số trực tiếp DDI - Mật độ quang học: $\leq 0.25 - \geq 3.2$ - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate dày 168 μm , tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m ² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar. Tiêu chuẩn: ISO và	Tấm	10550
36	Phim khô 14"x17"	-Công nghệ in phim nhiệt Kỹ thuật số trực tiếp DDI - Mật độ quang học: $\leq 0.25 - \geq 3.2$ - Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate dày 168 μm , tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m ² trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt - Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar. Tiêu chuẩn: ISO và	Tấm	23.220
37	Phim X-ray khô 35 x 43cm	Phim khô kỹ thuật số công nghệ in nhiệt. Tương thích máy in phim Drypix 2000 Thành phần - Lớp bảo vệ phía trên: $\geq 85\%$ Polyvinyl alcohol - Lớp nền phim $\geq 100\%$ polyethylene terephthalate - Lớp nhạy nhiệt: $\geq 13\%$ polyvinyl alcohol và $\geq 64\%$ thermo sensitive microcapsule - Lớp bảo vệ phía dưới $\geq 70\%$ Polyvinyl alcohol Kích thước: 35x43cm Có chứng nhận đạt tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485, EC hoặc tương đương Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	Tấm	17940
NHÓM 8: VẬT TƯ Y TẾ SỬ DỤNG TRONG CHẨN ĐOÁN, ĐIỀU TRỊ KHÁC				
38	Bao dây đốt 5cm x 200cm	Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. Có dây buộc để cố định dụng cụ bên trong - Kích thước: 100mm x 200cm - Đóng gói bằng giấy ép tiệt trùng có in chỉ thị tiệt trùng. - Tiệt trùng bằng khí EO. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015. Tiêu chuẩn cơ sở	Cái	39.450

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Số lượng
39	Bộ hút dịch áp lực âm 700ml có Trocar (HandyVac)	Kích cỡ: túi chứa dịch 700ml, bình hút 125ml Chất liệu: nhựa tổng hợp không chứa cao su Bình hút 125ml dạng xếp nếp, mềm dễ thao tác, tạo lực hút áp lực âm ban đầu 65mmHg và từ từ giảm dần; túi chứa 700ml, có 2 van một chiều ngăn trào ngược. Dây dẫn dài 650mm, đường kính trong 1.6 -> 3.5mm, đường kính ngoài 2.7 - 6.0mm Phụ kiện gồm 1 trocar có dây nối 150mm có kẹp khóa, 1 dây hút có lỗ hút xếp cuộn tròn ốc, dây treo bình. Đóng gói tiệt trùng 1c/gói bằng giấy chống thấm	bộ	50
40	Clip mạch máu vi phẫu thuật đơn	- Vật liệu: Thân là Polycarbonate, thanh nối hai hàm là thép nguyên chất - Có kẹp cho động mạch và tĩnh mạch riêng biệt - Có nhiều kích cỡ với lực đóng tương thích từ 15 đến 120gf - Hàm của clip được thiết kế hình bán cầu đảm bảo không bị trượt - Kẹp đơn, đóng gói tiệt trùng	cái	60
41	Tấm điện cực trung tính (dùng 1 lần)	Vật liệu xốp mỏng (foam) PE, Keo dính: dẫn xuất hydrogel, Lớp nền bảo vệ: PETP film. Hình oval, sử dụng được mọi hướng	Cái	420
NHÓM 9: HÓA CHẤT				
42	Que lấy mẫu kiểm tra vệ sinh bề mặt / Que đo ATP bề mặt	Que đo ATP bề mặt Nhiệt độ lưu trữ: 2°C - 8°C Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 Sử dụng tương thích với máy LX25	Que	3.000
43	Máu chuẩn máy huyết học mức bình thường	- Dung dịch chứa các hoạt chất ổn định giá lập của hồng cầu bạch cầu mô con người và động vật có vú và các tiểu cầu mô phỏng bị đình chỉ trong một huyết thanh như chất lỏng. Dùng để chuẩn máy nồng bình thường. Lọ 3ml	Lọ	36
44	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian đông máu PT.	Typical seconds: 11-18 giây normal range: 70-130%, 0,85 - 1,15 INR Normal/Abnormal control: <3 -<5 (CV%) Đóng gói: 10 x 4ml/Hộp	hộp	108
45	Dung dịch hóa chất dùng để súc rửa hệ thống phân tích đông máu tự động, bình 1 lít	Dạng lỏng, thành phần bao gồm Sodium azide <= 0.1%. Bình 1 lít	Bình	6
46	Dung dịch pha loãng sử dụng cho máy huyết học 27 thông số tự động	- Thành phần: dung dịch chứa các hoạt chất Anhydrous Sodium Sulfate 5-15g/L, Preservative Solution <20g/L, Muriate 2-6g/L. Đóng gói: thùng 20 lít - Hoàn toàn phù hợp với máy AMP Accos 5110	thùng	123
47	Hóa chất đo thời gian APTT dành cho máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để XN thời gian APTT đóng gói kèm theo Calcium Chloride. Dạng Lỏng. Độ ổn định sử dụng sau khi hoàn nguyên (hoặc mở nắp) ≥ 30 ngày nhiệt độ 2-8 độ C, ≥ 10 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy (ACL TOP), ≥ 3 ngày nhiệt độ 15 độ C trên máy (ACL Classic) Đóng gói: 5x10mL+5x10mL	Hộp	81
48	Test HIV	- Xét nghiệm nhanh, định tính để phát hiện các kháng thể kháng tất cả các lớp kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu cho HIV-1 và HIV-2 đồng thời trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Dạng khay thử. - Mẫu bệnh phẩm: huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8%. - 1 test thử bao gồm: Phức hợp vàng: Kháng nguyên HIV-1 gp41, p24, HIV-2 gp36 tái tổ hợp – chất keo vàng (1,0 ± 0,2 µg), vạch thử 1: Kháng nguyên HIV -1 tái tổ hợp (gp41, p24) (0,625 ± 0,125 µg), vạch thử 2: Kháng nguyên HIV -2 tái tổ hợp (gp36) (0,5±0,1 µg), vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV (0,75 ± 0,15 µg). - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Không có phản ứng chéo với các mẫu thử có khả năng phản ứng chéo như khi thăm phân máu, với các mẫu thử đông máu, viêm khớp dạng thấp, kháng HCV dương tính và phụ nữ mang thai.	Test	45.360

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	ĐVT	Số lượng
49	Cồng phản ứng dạng khay dùng cho hệ thống máy đông máu tự động	Cồng phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng nhựa rắn khay tròn chứa 20 công phản ứng.	Hộp	1
50	Card thử nhóm máu tại giường (Serafol ABO + D), không có RH	Thành phần: Ô anti A chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti A IgM dòng Birma-1 (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ô anti B chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti B IgM dòng LB-2 (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ô control chỉ chứa dung dịch đệm photphat. - Thiết kế 2 test nằm cạnh nhau, thuận tiện khi viết thông tin, không chạm vào hóa chất trên thẻ. - Bảo quản 5 - 37 độ C, chịu được nhiệt độ lên tới 65 độ C trong không quá 6 tuần. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA	test	500
51	Matrix Forward grouping and crossmath card	Giếng 1 chứa Anti-A (Dòng 11H5) - Giếng 2 chứa Anti-B (Dòng 6F9) - Giếng 3 chứa Anti-D (IgM) (VI-) (Dòng P3x61 + TH-28) - Giếng 4 chứa Gel trung tính - Giếng 5 và giếng 6 chứa AHG (Anti Human IgG và Anti C3D dòng 12011D10) - Dùng định nhóm máu bệnh nhân và nhóm máu túi máu; làm phản ứng hòa hợp miễn dịch truyền máu ở môi trường muối sinh lý, nhiệt độ phòng xét nghiệm 20 độ C - 24 độ C và môi trường có sử dụng huyết thanh kháng globulin ở nhiệt độ 37 độ C; và xét nghiệm tự chứng. - Bảo quản 4 - 25 độ C; không để đông lạnh. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC	Card	220
52	Que thử nước tiểu sd cho máy nước tiểu AS300 (Urine test strip seff-stil 101)	Que thử nước tiểu Self-Stick cung cấp các xét nghiệm để đo bán định lượng Urobilinogen (URO), Bilirubin (BIL), Ketones (KET), Blood (BLD), Protein (PRO), Nitrite(NIT), Leukocytes(LEU), Glucose(GLU), Specific-gravity(SG), pH, Vitamin C (Ascorbic acid) VC. Sử dụng với máy phân tích nước tiểu chủng loại: AnyScan 300. Hộp/ 100 cái	hộp	113
53	Bộ định danh vi khuẩn	Bộ định danh gồm 14 thử nghiệm sinh hoá dùng để định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc	Bộ	2
NHÓM 10: CÁC VẬT TƯ TIÊU HAO KHOA XÉT NGHIỆM				
54	Kim chọc máu (Lancets)	Kim bằng kim loại không gỉ, sắc bén và không gây kích ứng	Hộp	350
55	Ống lấy máu	Ống cho các thiết bị y tế giao thức A-PRF Lớp IIa. Hút chân không và không có chất phụ gia. Thể tích 10 ml. Đóng gói tiệt trùng	Cái	650
56	Kim lấy máu tự rút	Kim 21G x 3/4", gồm kim lấy máu + vỏ bơm. Kim có vỏ bọc bảo vệ, tương thích với ống lấy máu	Cái	280
NHÓM 11: VẬT LIỆU KHÁC				
57	Dầu xịt tay của Aesculap EMD neuro smart 300ml	Dầu bảo quản máy khoan loại bình xịt, chai 300ml	chai	100
58	Dây garo chỉnh hình	Chất liệu: cao su, kích cỡ 5 x 220 cm x 0,05cm	sợi	200
59	Dây máy gây mê Jackson-Rees	Người lớn (ID 22mm) + Chất liệu : Khùy ống PE, ống dây gọn PE + EVA (không latex) , túi thở latex + Hệ thống thở cho người lớn, chiều dài 0,6 mét với ống dây oxy 2 mét, túi latex 2,0 lít và van điều chỉnh. Trẻ em (ID 15mm) + Chất liệu : Khùy ống PE, ống dây gọn PE + EVA (không latex) , túi thở latex + Hệ thống thở cho trẻ, dài 0,6 mét với ống dây oxy 2 mét, túi latex 1,0 lít và van điều chỉnh. + Tiêu chuẩn: ISO/chứng nhận hợp chuẩn Châu Âu	Bộ	100
60	Dây nối bơm tiêm điện	Vật liệu PE Đường kính trong 1mm, đường kính ngoài 2 mm, thể tích mỗi 1,18 ml Chiều dài dây 150 cm, Vật liệu PE, không có PVC Dùng cho bơm tiêm điện áp suất nhỏ hơn 4 bar Đầu nối Luer Lock	cái	600